

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 05 năm 2021, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION MACHINERY AND WATER ELECTRIC MACHINE INSTALLING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: COMAEL.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 11.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hào	Chủ tịch
Ông Ngô Thế Viên	Thành viên
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Vũ Nguyên Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Kiều Thị Nguyệt Nga	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dư	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Thế Viên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Nguyên Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

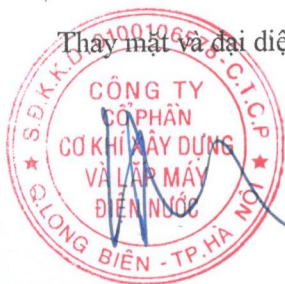
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thế Viên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 196/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho số tiền 1.202.971.213 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 1.202.971.213 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính hiện hữu và dự phòng giảm giá của số dư các khoản mục trên, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình, dự án của Công ty với giá trị là 9.310.823.694 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 8.513.022.526 đồng), do đó Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá giá trị có thể thu hồi và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2024, Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận khoản vay với số tiền là 21.628.170.454 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 21.628.170.454 đồng); các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng số tiền 14.691.829.580 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 11.528.647.209 đồng); tài sản thiếu chờ xử lý số tiền 1.389.485.642 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 1.389.485.642 đồng); các khoản trả trước người bán số tiền 1.575.159.008 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 1.575.159.008 đồng); phải thu khác số tiền 29.756.853.248 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 29.721.247.105 đồng); phải trả người bán số tiền 4.750.628.141 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 4.750.628.141 đồng) và các khoản phải trả, phải nộp khác số tiền 8.416.318.625 đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 8.265.043.530 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn và dự phòng phải thu khó đòi nếu có của số dư các khoản công nợ trên, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4 - Phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả các vấn đề như sau: Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 30.802.901.334 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là (36.329.116.354) đồng dẫn đến âm vốn chủ sở hữu là (25.129.116.354) đồng. Công ty có khoản nợ vay “Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội” số tiền 20.867.170.454 đồng và đã được Ngân hàng khoan nợ. Đồng thời, số tiền nợ thuế, phạt thuế lũy kế đến ngày 31/12/2024 của Công ty là 17.207.356.934 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động trong ít nhất 12 tháng tới bằng việc thu hồi các khoản công nợ, sản xuất kinh doanh và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 21/11/2024, Công ty nhận được Quyết định số 62380/QĐ-CTHN-QLN ngày 21/11/2024 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		115.769.143.555	103.628.939.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.661.214.384	2.980.758.895
1. Tiền	111		1.661.214.384	2.980.758.895
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.238.393.337	85.769.782.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	64.122.349.524	60.038.409.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.604.120.609	2.695.985.112
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	40.797.917.306	39.037.846.258
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(17.675.479.744)	(17.391.943.361)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	1.389.485.642	1.389.485.642
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	22.664.793.291	14.742.140.820
1. Hàng tồn kho	141		22.664.793.291	14.742.140.820
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		204.742.543	136.257.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	71.161.278	136.257.418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		133.581.265	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+260)	200		6.721.057.749	5.842.584.493
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		902.308.859	1.170.268.246
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	902.308.859	1.170.268.246
II. Tài sản cố định	220		4.009.686.641	2.032.932.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.009.686.641	2.032.932.947
- Nguyên giá	222		40.996.945.723	38.820.721.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.987.259.082)	(36.787.788.381)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	500.857.746	500.857.746
1. Nguyên giá	231		1.743.917.180	1.743.917.180
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.243.059.434)	(1.243.059.434)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		60.000.000	60.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	60.000.000	60.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.248.204.503	2.078.525.554
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.248.204.503	2.078.525.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		122.490.201.304	109.471.524.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		147.619.317.658	138.478.860.799
I. Nợ ngắn hạn	310		146.572.044.889	137.137.042.582
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	32.476.894.013	29.600.436.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.879.273.600	3.906.205.277
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	18.682.531.475	22.546.672.624
4. Phải trả người lao động	314		982.259.687	816.728.218
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	15.065.471.394	15.804.855.439
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	147.272.724	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	47.119.202.877	40.878.005.510
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	24.208.170.454	23.573.170.454
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.968.665	10.968.665
II. Nợ dài hạn	330		1.047.272.769	1.341.818.217
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	1.047.272.769	1.341.818.217
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		(25.129.116.354)	(29.007.336.365)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(25.129.116.354)	(29.007.336.365)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		200.000.000	200.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(36.329.116.354)	(40.207.336.365)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(40.207.336.365)	(43.736.066.648)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.878.220.011	3.528.730.283
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		122.490.201.304	109.471.524.434

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Dư

Nguyễn Thị Hương



Ngô Thế Viên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	80.686.374.625	73.287.641.118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		80.686.374.625	73.287.641.118
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	69.225.277.447	63.032.787.811
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.461.097.178	10.254.853.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	172.961.579	205.236.053
7. Chi phí tài chính	22	6.4	244.402.501	112.633.094
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		244.402.501	112.633.094
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.173.593.741	6.364.709.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.216.062.515	3.982.746.764
11. Thu nhập khác	31	6.6	804.450.618	1.433.019.807
12. Chi phí khác	32	6.6	115.486.319	377.627.683
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	688.964.299	1.055.392.124
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		4.905.026.814	5.038.138.888
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.026.806.803	1.509.408.605
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.878.220.011	3.528.730.283
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	3.526	3.208

Người lập



Nguyễn Thị Dư

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc




Ngô Thế Viên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.905.026.814	5.038.138.888
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		540.654.167	591.257.885
- Các khoản dự phòng	03		283.536.383	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.267.960)	(5.555.933)
- Chi phí lãi vay	06		244.402.501	112.633.094
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.915.351.905	5.736.473.934
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.617.768.790)	(15.234.314.417)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.922.652.471)	2.223.121.476
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.489.623.570	7.769.017.799
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		895.417.191	(635.180.613)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(244.402.501)	(112.633.094)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.010.973.514)	(761.719.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		504.595.390	(1.015.233.929)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.581.414.011)	(555.648.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		111.750.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.524.110	5.555.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.459.139.901)	(550.092.932)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.880.000.000	1.945.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.245.000.000)	(1.010.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		635.000.000	935.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(1.319.544.511)	(630.326.861)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.980.758.895	3.611.085.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.661.214.384	2.980.758.895

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Dư

Nguyễn Thị Hương



Ngô Thế Viên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106578 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 05 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION MACHINERY AND WATER ELECTRIC MACHINE INSTALLING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: COMAEL

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 13 tháng 5 năm 2021 là 11.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 91 người (Tại ngày 31/12/2023 là 89 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thiết bị phụ tùng, máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị;
- Sửa chữa đóng mới ca nô, xà lan;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông và cơ khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành điện bao gồm: Tủ bảng điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm ki ốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển và các sản phẩm cơ khí liên quan đến ngành điện;
- Chế tạo, lắp đặt công nghiệp thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dầu, khí, các hệ thống gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể;
- Chế tạo và thi công lắp đặt hệ thống cầu, đường bộ và đường sắt;
- Xây dựng, hoàn thiện và trang trí nội thất công trình, lắp đặt cơ khí, điện nước, kết cấu xây dựng và thiết bị công nghệ;
- Thi công các công trình giao thông, bến cảng, thủy lợi;
- Nhận thầu thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây và trạm biến áp, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước;
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện;
- Thi công bằng phương pháp khoan bắn nổ mìn;
- Tư vấn thiết kế cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lập dự án đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước, các công trình hạ tầng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV;
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng;
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Chế tạo thiết bị nâng hạ;
- Chế tạo và lắp dựng cột an ten (viba);
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông;
- Kinh doanh và phát triển nhà;
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Mua bán, lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng thiết bị nâng và thang máy.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2024 là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có đơn vị phụ thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael.1)	Cụm công nghiệp Tân Quang, thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước tại Thành phố Hồ Chí Minh	81 Cù Lao Khu dân cư Rạch Miễu P.02, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu Báo cáo tài chính của Công ty và số liệu Báo cáo tài chính của các Chi nhánh trực thuộc của Công ty và loại trừ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ có liên quan.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là (36.329.116.354) đồng, âm vốn chủ sở hữu là (25.129.116.354) đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 30.802.901.334 đồng.

Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Công ty đã thực hiện các biện pháp gia tăng doanh thu từ các đơn hàng cơ khí; từ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng và gia tăng các doanh thu khác. Đồng thời, huy động nguồn vốn vay từ các cá nhân với lãi suất ưu đãi.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25-50
Máy móc thiết bị	05-08
Phương tiện vận tải	05-10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư là nhà kho được khấu hao trong vòng từ 07-10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty mẹ).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ (cung cấp dịch vụ gia công, chế tạo, lắp đặt cơ khí, cho thuê nhà xưởng...)

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ giá công, chế tạo, lắp đặt cơ khí và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	391.223.551	596.493.172
Tiền gửi ngân hàng	1.269.990.833	2.384.265.723
Tổng	1.661.214.384	2.980.758.895

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	64.122.349.524	60.038.409.157
Công ty CP Cơ khí xây dựng và thương mại KCK	6.069.978.000	-
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	2.691.369.986	2.691.369.986
Công ty TNHH Kilama	2.707.421.727	2.707.421.727
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	1.667.131.695	1.667.131.695
Các khách hàng khác	50.986.448.116	52.972.485.749
Tổng	64.122.349.524	60.038.409.157

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

2.813.998.196 2.813.998.196

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	2.604.120.609	2.695.985.112
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Điện nước số 3	1.252.969.091	1.252.969.091
Công ty TNHH Sông Thao	602.384.500	602.384.500
Đối tượng khác	748.767.018	840.631.521
Tổng	2.604.120.609	2.695.985.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	40.797.917.306	(594.583.060)	39.037.846.258	(594.583.060)
Phải thu bảo hiểm xã hội	12.746.164	-	12.746.164	-
Phải thu các xí nghiệp theo tỷ lệ giao khoán	27.928.444.737	-	27.314.525.162	-
Các khoản phải thu khác	8.636.276.133	-	8.041.952.530	-
Ký cược, ký quỹ	517.180.920	-	168.831.050	-
Tạm ứng	3.703.269.352	(594.583.060)	3.499.791.352	(594.583.060)
Dài hạn	902.308.859	-	1.170.268.246	-
Ký cược, ký quỹ	902.308.859	-	1.170.268.246	-
Tổng	41.700.226.165	(594.583.060)	40.208.114.504	(594.583.060)

5.5 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Kilama	2.707.421.727	(2.013.660.864)	693.760.863	2.013.660.864	(2.013.660.864)	-
Lê Đức Phong (Đội 9 - XN5)	1.015.314.792	(1.015.314.792)	-	1.015.314.792	(1.015.314.792)	-
Các đối tượng khác	16.026.644.679	(14.646.504.088)	1.380.140.591	16.722.200.112	(14.362.967.705)	2.359.232.407
Tổng	19.749.381.198	(17.675.479.744)	2.073.901.454	19.751.175.768	(17.391.943.361)	2.359.232.407

5.6 Tài sản thiếu xử lý

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản thiếu không còn hồ sơ		1.389.485.642		1.389.485.642
Tổng	(*)	1.389.485.642	(*)	1.389.485.642

(*) Không có hồ sơ xác định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.202.971.213	-	1.202.971.213	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.317.822.078	-	13.395.169.607	-
Thành phẩm	144.000.000	-	144.000.000	-
Tổng	22.664.793.291	-	14.742.140.820	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	71.161.278	136.257.418
Chi phí khác chờ phân bổ	71.161.278	136.257.418
Dài hạn	1.248.204.503	2.078.525.554
Chi phí khác chờ phân bổ	1.248.204.503	2.078.525.554
Tổng	1.319.365.781	2.214.782.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	28.112.535.530	7.640.888.409	2.894.452.145	121.166.061	51.679.183	38.820.721.328
Tăng trong năm	1.704.623.082	719.118.707	157.672.222	-	-	2.581.414.011
Mua trong năm	-	719.118.707	157.672.222	-	-	876.790.929
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.704.623.082	-	-	-	-	1.704.623.082
Giảm trong năm	347.625.000	57.564.616	-	-	-	405.189.616
Thanh lý, nhượng bán	347.625.000	57.564.616	-	-	-	405.189.616
Số dư tại 31/12/2024	29.469.533.612	8.302.442.500	3.052.124.367	121.166.061	51.679.183	40.996.945.723
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	26.386.998.033	7.410.354.351	2.860.890.545	77.866.269	51.679.183	36.787.788.381
Tăng trong năm	407.731.353	91.904.667	24.239.483	16.778.664	-	540.654.167
Khấu hao trong năm	407.731.353	91.904.667	24.239.483	16.778.664	-	540.654.167
Giảm trong năm	283.618.850	57.564.616	-	-	-	341.183.466
Thanh lý, nhượng bán	283.618.850	57.564.616	-	-	-	341.183.466
Số dư tại 31/12/2024	26.511.110.536	7.444.694.402	2.885.130.028	94.644.933	51.679.183	36.987.259.082
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	1.725.537.497	230.534.058	33.561.600	43.299.792	-	2.032.932.947
Tại 31/12/2024	2.958.423.076	857.748.098	166.994.339	26.521.128	-	4.009.686.641

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 30.492.945.305 VND (tại ngày 01/01/2024 là 29.550.517.678 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
- Nhà	1.743.917.180	-	-	1.743.917.180
Giá trị hao mòn lũy kế	1.243.059.434	-	-	1.243.059.434
- Nhà	1.243.059.434	-	-	1.243.059.434
Giá trị còn lại	500.857.746	-	-	500.857.746
- Nhà	500.857.746	-	-	500.857.746

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dài hạn	60.000.000	60.000.000
Cây xăng Cổ Bi	60.000.000	60.000.000
Tổng	60.000.000	60.000.000

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	32.476.894.013	32.476.894.013	29.600.436.395	29.600.436.395
Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Gia Lâm (KILAMA-Thép cuộn)	2.707.421.736	2.707.421.736	2.707.421.736	2.707.421.736
Công ty CP SX Và Thương mại Phú Tài	-	-	1.248.547.333	1.248.547.333
Công ty TNHH SX và KD Thép Đông Á	2.541.957.454	2.541.957.454	2.483.376.733	2.483.376.733
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và TM Cơ Khí KCK	6.563.049.793	6.563.049.793	1.766.086.395	1.766.086.395
Phải trả đối tượng khác	20.664.465.030	20.664.465.030	21.395.004.198	21.395.004.198
Tổng	32.476.894.013	32.476.894.013	29.600.436.395	29.600.436.395

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên
liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

496.894.609	496.894.609	496.894.609	496.894.609
-------------	-------------	-------------	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	7.879.273.600	3.906.205.277
Công ty Cổ Phần Cơ Khí XD Gia Lâm	-	1.740.000.000
JFE Engineering Corporation	1.495.016.965	317.627.318
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây dựng Gia Lâm	-	606.359.200
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	3.798.435.350	-
Người mua trả tiền trước khác	2.585.821.285	1.242.218.759
Tổng	7.879.273.600	3.906.205.277

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	22.546.672.624	6.691.599.009	10.555.740.158	18.682.531.475
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	981.928.154	1.177.671.394	2.080.802.426	78.797.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.010.973.514	1.026.806.803	1.010.973.514	1.026.806.803
Thuế thu nhập cá nhân	96.255.190	306.030.463	273.321.261	128.964.392
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	519.409.956	4.096.984.344	4.375.788.076	240.606.224
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.938.105.810	80.106.005	2.810.854.881	17.207.356.934

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	15.065.471.394	15.804.855.439
Chi phí lãi vay ngân hàng	13.623.464.234	13.623.464.234
Chi phí phải trả khác	1.442.007.160	2.181.391.205
Tổng	15.065.471.394	15.804.855.439

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	47.119.202.877	40.878.005.510
Kinh phí công đoàn	316.717.603	331.249.583
Lãi vay phải trả	67.628.481	67.628.481
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.734.856.793	40.479.127.446
- Phải trả Tổng Công ty Cơ khí		
Xây dựng - CTCP	15.221.008.596	15.221.008.596
+ Lãi vay	9.537.033.015	9.537.033.015
+ Tiền bán vốn Nhà nước	538.578.012	538.578.012
+ Phí thương hiệu	839.703.105	839.703.105
+ Công trình kè Tuy Hòa - Phú Yên	4.305.694.464	4.305.694.464
- Phải trả các xí nghiệp theo tỷ lệ giao khoán	30.172.925.589	23.707.502.024
- Các khoản khác	1.340.922.608	1.550.616.826
Tổng	47.119.202.877	40.878.005.510
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan	15.221.008.596	15.221.008.596
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	147.272.724	-
Doanh thu cho thuê nhà	147.272.724	-
Dài hạn	1.047.272.769	1.341.818.217
Doanh thu cho thuê nhà	1.047.272.769	1.341.818.217
Tổng	1.194.545.493	1.341.818.217

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	24.208.170.454	2.580.000.000	4.880.000.000	4.245.000.000	23.573.170.454	1.010.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội (1)	20.867.170.454	-	-	-	20.867.170.454	-
Bộ Xây dựng (2)	761.000.000	-	-	-	761.000.000	-
Vay cá nhân (3)	2.580.000.000	2.580.000.000	4.880.000.000	4.245.000.000	1.945.000.000	1.010.000.000
Tổng	24.208.170.454	2.580.000.000	4.880.000.000	4.245.000.000	23.573.170.454	1.010.000.000

(1) Hợp đồng tín dụng ngân hàng hạn mức số 04/04/HĐ ngày 10/5/2004 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Hà Nội và Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước số tiền hạn mức tối đa là 27.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động thường xuyên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa 09 tháng cho mỗi khoản rút vốn vay. Lãi suất được quy định trong từng hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn cụ thể. Biện pháp đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty tại Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/03/HĐ ngày 26/3/2003. Khoản vay đã được ngân hàng khoanh nợ nhưng Công ty vẫn không có khả năng thanh toán số công nợ này.

(2) Công ty chưa tìm được hồ sơ và chưa xác định được nội dung cụ thể của khoản vay này do thời gian đã quá lâu.

(3) Khoản vay các cá nhân có thời hạn 06 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm. Các khoản vay không quy định tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	200.000.000	(43.736.066.648)	(32.536.066.648)
Lãi trong năm trước	-	-	3.528.730.283	3.528.730.283
Số dư tại 31/12/2023	11.000.000.000	200.000.000	(40.207.336.365)	(29.007.336.365)
Số dư tại 01/01/2024	11.000.000.000	200.000.000	(40.207.336.365)	(29.007.336.365)
Lãi trong năm nay	-	-	3.878.220.011	3.878.220.011
Số dư tại 31/12/2024	11.000.000.000	200.000.000	(36.329.116.354)	(25.129.116.354)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	5.669.400.000	5.669.400.000
Các cổ đông khác	5.330.600.000	5.330.600.000
Tổng	11.000.000.000	11.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại đầu năm	11.000.000.000	11.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.000.000.000	11.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cơ khí	65.377.082.203	58.308.678.295
Doanh thu dịch vụ	15.192.368.316	14.838.979.823
Doanh thu khác	116.924.106	139.983.000
Tổng	80.686.374.625	73.287.641.118

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn cơ khí	62.392.129.375	56.379.792.912
Giá vốn dịch vụ	6.753.271.412	6.527.010.199
Giá vốn khác	79.876.660	125.984.700
Tổng	69.225.277.447	63.032.787.811

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.524.110	5.555.933
Lãi thanh toán trả chậm	162.437.469	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	199.680.120
Tổng	172.961.579	205.236.053

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi vay	244.402.501	112.633.094
Tổng	244.402.501	112.633.094

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.173.593.741	6.364.709.502
Chi phí nhân viên quản lý	5.486.213.739	4.849.302.837
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.308.710	12.640.249
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.029.545	146.689.422
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	283.536.383	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.107.343.854	990.084.126
Chi phí bằng tiền khác	192.161.510	361.992.868
Tổng	7.173.593.741	6.364.709.502

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ	-	626.465.472
Thu tiền điện, khấu hao của các xí nghiệp	756.706.768	637.425.124
Thu thanh lý tài sản	47.743.850	-
Thu nhập khác	-	169.129.211
Tổng	804.450.618	1.433.019.807
Chi phí khác		
Phạt thuế và chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	80.002.205	336.600.335
Chi phí khác	35.484.114	41.027.348
Tổng	115.486.319	377.627.683
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	688.964.299	1.055.392.124

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.905.026.814	5.038.138.888
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	229.007.205	408.600.335
+ <i>Phạt thuế và chậm nộp</i>	80.035.205	336.600.335
+ <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	96.000.000	72.000.000
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	52.972.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	766.448.472
+ <i>Doanh thu tăng theo biên bản thanh tra thuế</i>	-	766.448.472
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.134.034.019	4.680.290.751
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	1.026.806.803	936.058.150
Truy thu thuế TNDN các năm trước	-	573.350.455
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.026.806.803	1.509.408.605

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.878.220.011	3.528.730.283
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.878.220.011	3.528.730.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.526	3.208

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.442.079.569	39.690.460.317
Chi phí nhân công	14.513.504.323	14.096.853.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	540.654.167	591.257.885
Chi phí dự phòng	283.536.383	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.250.907.415	9.164.399.187
Chi phí khác bằng tiền	13.290.841.802	4.526.027.768
Tổng	84.321.523.659	68.068.998.695

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Khóa Minh Khai (COMA 8)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (COMA 27)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		2.813.998.196	2.813.998.196
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	2.691.369.986	2.691.369.986
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ	122.628.210	122.628.210
Phải trả người bán		496.894.609	496.894.609
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	496.894.609	496.894.609
Phải trả khác		15.221.008.596	15.221.008.596
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP	Công ty mẹ	15.221.008.596	15.221.008.596

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

Số 84, Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Dư

Nguyễn Thị Hương

Ngô Thế Viên

